遠東科技大學機械工程系111學年度新南向國際產學合作專班
學生校外實習辦法

112.08.22 系校外實習委員會通過
112.08.28 院校外實習委員會通過
112.09.12 校實習委員會通過

第一條 遠東科技大學（以下簡稱本校）機械工程系（以下簡稱本系）111學年度新南向國際產學合作專班(以下簡稱本專班)，為落實機械相關領域實務教學，以培養具備實務經驗之機械專業人才，依據「遠東科技大學學生校外實習辦法」，特訂定「遠東科技大學機械工程系111學年度新南向國際產學合作專班學生校外實習辦法」（以下簡稱本辦法）。

第二條 學生實習之實施，由本系與業者簽定「111學年度新南向國際產學合作專班學生校外實習合約書」(附件一)成為實習單位後，依當年度業者提供之實習名額，分發學生前往實習。

第三條 本專班學生校外實習課程為學期中「企業實務實習」課程，於二年級上學期至四年級下學期實施，學生於當學期18週實習期滿360小時，成績及格可得「企業實務實習」課程6學分。

第四條 本辦法所指實習單位，僅限相關產業，實習單位與否，由本系校外實習委員會審核認定之。

第五條 本系於實習前舉行廠商說明會與面試，公佈合作之實習廠商由學生登記志願，經審核通過面試及分發後。

第六條 實習分發時應公平、公正、公開，先由學生自行選填志願，其次依業者要求條件，如:學業成績、競賽證照數、操行成績等，並由本系依第七條標準篩選符合面談資格學生，待廠商面談結果後，再決定正取及備取名額，擇優分發。

第七條 本系於實習前召開座談會，說明實習法規及應注意事項。學生實習期間，除接受本系管理外，並應接受實習單位主管之指揮監督，遵照業者既定政策及工作規則辦理。

第八條 學生實習前應出席實習前座談會，以明瞭實習注意事項，無故缺席者實習時數不予承認。

第九條 各期間實習期滿後，學生需繳交「校外實習報告」（附件二）。

第十條 實習期間由業界定期通知本系學生出勤狀況，並定期提供實習生出勤紀錄表。

第十一條 學生實習期滿，由實習單位填寫考核表（附件三），逕寄本系。

第十二條 學生實習期間之安全問題，應事前妥善詳盡規劃。學校提供學生宿舍，或必要時商請業界提供宿舍，供學生住宿，以減少學生校外實習之顧慮。

第十三條 學生實習與生活管理，如遇到情節重大之事情，經本系議定，得提前終止實習並通知本校及家長處理，得酌情予以校規處理。

第十四條 為加強學生校外實習生活安全之保障，本系得配合本校學務處學生平安保

險規範，並協調業者辦理學生實習相關保險。

第十五條 學生實習成績之評定方式由業界輔導老師評核(50%)及學校老師評核(50%)總和成績佔總成績之75%，雇主滿意度問卷佔總成績之25%。

第十六條 每學期依學校規定時間進行學生註冊與選課,否則實習學分不予承認。

第十七條 實習期間，輔導老師需定期訪視實習學生，落實實習輔導、溝通、聯繫工作。實習學生若有不適應實習機構環境或實習項目，可向本系校外實習委員會提出申訴，並以書面說明狀況，委員了解後，派代表委員與實習機構溝通處理。必要時，可提出轉換實習機構申請表，並經原實習機構填寫同意終止實習，校方會尋找及安排轉換後之實習機構。

第十八條 無法參與實習或等待實習轉換期間之學生，應規劃實習替代之配套措施：安排6學分專業課程替代實習課程。

第十九條 本辦法經系校外實習委員會通過，院校外實習委員會及校實習委員會通過後公布實施，修正時亦同。

附件一

遠東科技大學機械工程系新南向國際產學合作專班學生校外實習合約書(中越版)

HỢP ĐỒNG THỰC TẬP Ở NGOÀI TRƯỜNG DÀNH CHO SINH VIÊN LỚP CHUYÊN BAN HỢP TÁC QUỐC TẾ KHOA KỸ SƯ CƠ KHÍ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KH-KT VIỄN ĐÔNG

立合約書人　　：遠東科技大學 機械工程系 khoa Cơ khí trường đại học KH-KT Viễn Đông　　（以下簡稱甲方 gọi tắt là Bên A)

Người lập hợp đồng：ＯＯＯＯ股份有限公司　　（以下簡稱乙方 gọi tắt là Bên B）

：實習學生 Sinh viên thực tập　（以下簡稱丙方 gọi tắt là Bên C）

基於培訓科技專才，共同推展實習合作教學與實務訓練之互惠原則，協議訂定下列事項，共同遵循。

Dựa trên cơ sở đào tạo các chuyên gia về khoa học kĩ thuật, cùng nhau thúc đẩy việc giảng dạy kết hợp thực tập và đào tạo thực tiễn trên nguyên tắc bộ trợ lẫn nhau, cùng nhau tuân thủ các thỏa thuận dưới đây:

一、實習合作職掌：

甲方教務處：承辦學生實習有關業務及聯繫，各系專業教師負責指導學生校外實習。

Phòng đào tạo bên A: đảm nhiệm các công việc liên quan đến nghiệp vụ và liên hệ cho sinh viên thực tập, giáo viên chuyên môn của khoa phụ trách hướng dẫn sinh viên thực tập ngoài trường.

乙方管理部門：依中華民國勞動基準法及有關勞動法令規定聘雇乙方學生，並負責工作分配、報到、訓練及協助輔導實習學生之生活言行。

Bộ phận quản lý của Bên B: tuyển dụng sinh viên của Bên B theo Luật Tiêu chuẩn Lao động của Trung Hoa Dân Quốc và các quy định về luật lao động có liên quan, đồng thời phụ trách phân công công việc, chấm công, đào tạo và hỗ trợ phụ đạo cho sinh viên thực tập về giao tiếp, công việc trong cuộc sống.

丙方實習學生：學生實習期間，除接受本系管理外，並應接受實習單位主管之指揮監督，遵照業者工作規則辦理

Sinh viên thực tập bên C: Trong thời gian thực tập ngoài việc chấp nhận sự quản lý của khoa còn phải chấp nhận sự chỉ huy, giám sát của chủ quản đơn vị thực tập và tuân thủ các nội quy trong công việc.

二、合約期限 thời hạn hợp đồng：

實習期間自 OOO 年 OO 月 OO 日至 OOO 年 OO 月 OO 日止。學生離職或退學，合約即自動失效。

Thời gian thực tập từ OOO năm OO tháng OO ngày đến OOO năm OO tháng OO ngày

Nếu sinh viên nghỉ việc hoặc thôi học thì hợp đồng này sẽ mất hiệu lực.

三、校外實習工作項目：các hạng mục công việc thực tập ngoài trường

1.工作項目安排以不影響學生健康及安全的工作環境為原則。

Việc sắp xếp các công việc dựa trên nguyên tắc môi trường làm việc không ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của sinh viên.

2.合作系別為甲方機械工程系，實習工作項目為ＯＯＯＯＯＯＯＯＯＯＯＯＯ。

Khoa hợp tác là khoa kĩ sư cơ khí, hạng mục công việc thực tập là.....

四、實習報到 Đăng ký thực tập ：

1.甲方於實習前一個月將實習學生名單及報到資料寄達乙方。

Bên A gửi danh sách sinh viên thực tập và hồ sơ đăng ký cho bên B trước ngày thực tập 1 tháng.

2.乙方於學生報到時，應即給予職前安全衛生訓練，並派專人指導。

Khi sinh viên đến làm việc thì bên B sẽ có buổi đào tạo an toàn vệ sinh trước khi vào làm việc, đồng thời sẽ cử nhân viên chuyên môn để hướng dẫn.

五、實習薪資 Lương thực tập

乙方按月以時薪ＯＯＯ元支給實習生津貼，每月實習津貼依實際實習總時數核算，以轉帳方式匯入實習生薪資帳戶。

B trả lương thực tập theo tháng 000 đài tệ/giờ, lương thực tập hàng tháng tính theo tổng số giờ thực thực tế và chuyển khoản vào tài khoản của sinh viên thực tập.

六、膳宿 Ăn uống và chỗ ngủ：

1.伙食：自理。

Bữa ăn：tự lo

2.住宿：自理。

Chỗ ngủ：tự lo

七、保險 Bảo hiểm：

實習學生報到時，乙方應提供勞保。甲方提供學生健保、平安保險及協助團體保險。

Khi sinh viên thực tập đến làm việc, bên B sẽ đóng bảo hiểm lao động. Bên A sẽ phụ trách về bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm bình an và hộ trợ bảo hiểm tập thể cho sinh viên.

八、實習時數 Thời gian thực tập：

每週Ｏ及Ｏ各 8 小時，週Ｏ上午 4 小時，共實習 20 小時。實習期間請假時，依公司請假規定辦理，在校則實施未實習期間之配套措施。

Tổng thời gian thực tập là 20 tiếng. Xin nghỉ trong thời gian thực tập sẽ dựa trên qui đinh xin nghỉ phép của công ty, nhà trường sẽ sắp xếp các công việc khác tại trường cho sinh viên không đi thực tập.

九、實習學生輔導 phụ đạo cho sinh viên thực tập：

1.乙方實習單位應安排專業實務工作，訂定學習主題及教育訓練計畫，並指派專人指導，嚴格要求敬業精神與培訓專業實務技能，並適時灌輸「管理實務知識」。

Đơn vị thực tập bên B cần sắp xếp công việc chuyên môn thực tế, đề ra chủ đề học tập và kế hoạch giáo dục đào tạo, đồng thời cử chuyên gia để hướng dẫn, yêu cầu nghiêm ngặt về tính chuyên nghiệp và đào tạo các kĩ năng chuyên môn , và được thấm nhuần các "kiến thức thực tế về quản lý" .

2.乙方所安排之工作不得要求學生協助從事違法行為。乙方如有違反，甲方得逕行終止本合約，甲方學生與乙方勞動關係亦告終止。

Công việc do Bên B sắp xếp không được yêu cầu sinh viên thực hiện các công việc vi phạm pháp luật. Nếu Bên B vi phạm, Bên A có quyền trực tiếp chấm dứt hợp đồng này, đồng thời quan hệ lao động giữa sinh viên của Bên A và Bên B cũng sẽ bị chấm dứt.

3.實習期間每位學生均由來源國專任助理、機械系老師及實習單位指導員共同輔導，督導實務實習工作內容及進行技能指導工作，並於實習第一個月共同訂定「校外實習工作計畫表」作為學生實習工作學習之依據。

Trong thời gian thực tập, mỗi sinh viên sẽ được một trợ lý chuyên trách từ nước sở tại, giáo viên Khoa Cơ khí và hướng dẫn viên từ đơn vị thực tập đồng hướng dẫn để giám sát nội dung công việc thực tập thực tế và tiến hành chỉ đạo các kĩ năng trong công việc. Trong tháng đầu tiên thực tập cùng lập bảng "Kế hoạch công việc thực tập ngoài trường" làm cơ sở cho công việc thực tập và học tập của sinh viên.

4.實習期間甲方定期安排輔導老師赴乙方訪視實習學生，負責校外實習輔導、溝通、聯繫工作。若甲方輔導老師未定期訪視，請乙方單位主管協助告知甲方。

Trong thời gian thực tập bên A phải　sắp xếp giáo viên hướng dẫn đến thăm sinh viên thực tập bên B theo định kì và chịu trách nhiệm hướng dẫn sinh viên thực tập ngoài trường, trong giao tiếp, liên hệ công việc. Nếu giáo viên hướng dẫn của Bên A không ghé thăm định kì, đề nghị chủ quản của đơn vị Bên B hỗ trợ và thông báo cho Bên A.

十、實習考核 Đánh giá thực tập

1.實習期間由乙方主管及甲方輔導老師共同評核實習成績，並於實習結束後，完成一份報告。經評核企業實務實習成績合格者，授予課程規劃對應之 6 學分。

Trong thời gian thực tập thì chủ quản của bên B cùng giáo viên hướng dẫn bên A cùng đánh giá kết quả thực tập, sau khi kết thúc thực tập sẽ phải hoàn thành một bài báo cáo. Những bạn sau khi thông qua vòng đánh giá thực tập thực tế tại doanh nghiệp sẽ được 6 tín chỉ tương ứng với môn học.

2.實習期間考勤依乙方規定考核。

Chuyên cần trong thời gian thực tập được đánh giá theo quy định của Bên B.

3.學生表現或適應欠佳時，由乙方知會甲方遠東科技大學機械工程系輔導處理。

Khi sinh viên có biểu hiện hoặc sự thích nghi không được tốt thì bên B sẽ thông báo cho bên A là khoa cơ khi trường đại học KH-KT Viễn Đông để phụ đạo và xử lý.

4.學生於實習期間依規定期限完成「校外實習報告」，印送甲方輔導老師，由輔導老師進行評核。

Trong thời gian thực tập sinh viên phải hoàn thành bài "Báo cáo thực tập ở ngoài trường" đúng thời hạn quy định, gửi cho giáo viên hướng dẫn bên A đánh giá.

5.甲、乙雙方不定期協調檢討實習各項措施，期使實習合作更臻完善。

Bên A và Bên B thường xuyên phối hợp xem xét các mục trong quá trình thực tập để sự hợp tác thực tập ngày càng tốt hơn.

十一、附則 Tambahan

1.附件：「實習機構基本資料表」。

Phụ lục : "mẫu thông tin cơ bản của các đơn vị thực tập"

2.為顧及乙方之業務機密，甲方之實習學生因參加本校外實習課程合作所知悉乙方之業務機密，無論於實習期間或實習終了後，均不得洩漏與任何第三人或自行加以使用，亦不得將涉及機密之實習內容揭露、轉述或公開發表，否則違反規定之實習學生應負擔損害賠償責任。

Để bảo mật bí mật kinh doanh của Bên B, sinh viên thực tập của Bên A đã biết về bí mật kinh doanh của Bên B thông qua việc tham gia khóa thực tập ngoài trường này không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào hoặc tự mình sử dụng chúng, cũng như không được tiết lộ, chuyển tiếp hoặc công khai nội dung thực tập liên quan để bảo mật, nếu như sinh viên thực tập vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

3.本合約所有相關附件均視為本合約之一部分，具合約條款完全相同之效力，其他有關實習合作未盡事宜，甲、乙雙方得視實際需要協議後，另訂之。

Tất cả các phụ lục có liên quan của hợp đồng này được coi là một phần của hợp đồng này và có hiệu lực như các điều khoản của hợp đồng, đối với các vấn đề còn chưa đồng thuận khác liên quan đến hợp tác thực tập, hai bên A và B có thể thỏa thuận riêng tùy theo nhu cầu thực tế.

4.本合約書之準據法為中華民國民法、教育部校外實習規範等相關法令，合約書未盡周詳之處，均以中華民國法令為準則。

Các luật áp dụng cho hợp đồng này là luật Dân sự của Trung Hoa Dân Quốc, các luật liên quan về thực tập ngoài trường của Bộ Giáo Dục, những nội dung không bất nhất trong hợp đồng thì sử dụng luật của Trung Hoa Dân Quốc làm chuẩn.

5.甲、乙雙方因本合約內容涉訟時，雙方合意以台灣台南地方法院為第一審管轄法院。

Khi bên A và B vướng vào kiện tụng do nội dung của hợp đồng này, hai bên đồng ý sử dụng Tòa án quận Đài Nam của Đài Loan làm tòa án xét xử sơ thẩm

十二、本合約書一式三份，甲、乙、丙三方各執乙份存照。

Hợp đồng này được lập thành ba bản, Bên A, Bên B, Bên C mỗi bên giữ một bản

立合約書人 Người lập hợp đồng

甲方 Bên A：遠東科技大學 Trường đại học Viễn Đông

代 表 人：鄭欽哲

Người đại diện: Vương Vinh Thắng

系科名稱：機械工程系

Tên khoa : khoa kĩ sư cơ khí

聯 絡 人：朱清俊

Người liên hệ : Chu Thanh Tuấn

地　　址：744004 台南市新市區中華路 49 號

Địa chỉ: số 49 đường Trung Hoa khu Tân Thị thành phố Đài Nam

統一編號：73502016

乙方 Bên B：ＯＯＯＯ股份有限公司 công ty cổ phần hữu hạn

負 責 人：ＯＯＯ

Người phụ trách:

地　　址：

Địa chỉ :

統一編號：○○○○○○○○

丙方 Bên C ：實習學生 Sinh viên thực tập

學生系科 Khoa ngành：機械工程系 kỹ sư cơ khí

簽名 Ký tên：

中華民國　　年　　月　　日

附件二

遠東科技大學機械工程系學生校外實習報告格式

遠東科技大學 機械工程系

學年度第　　學期

校外實習期末報告

實習單位:

姓名：

學號：

指導教師：

實習起訖日期：民國　　年　　月　　日至民國　　年　　月　　日

一、前言

二、內容 ：含實習單位介紹、工作說明、工作作業標準流程、個案討論及照片等

三、實習心得與建議

四、結論

五、參考資料

備註：

1. 實習期末報告內容等各部份，中文字型應以標楷體14點字、英文字型以Time New Roman 14點字打字。紙張為A4紙張之大小，不得少於十頁。
2. 實習期末報告應於指導教師規定時間內繳交，報告遲交或不按格式書寫，或內容不符合規定者，得扣實習分數總分五分；未繳交實習報告者實習成績以零分計。
3. 教師評閱實習期末報告配分如下：

   內 容：包含學習感想及心得、研讀參考資料等，佔百分之七十。

   文 筆：包括字體字數，文筆通暢，佔百分之二十。

   切題及格式：撰寫以實習範圍為宜，是否切題及符合格式，佔百分之十。

附件三

遠東科技大學機械工程系學生校外實習考核表【實習機構】

班　　級		學　號	
姓　　名			
實習單位	_____ 公司 _____ 部門		
實習期間	自　年　月　日至　年　月　日止 共_____月		

工作表現成績

評核項目	很差 (2分)	待改進 (4分)	普通 (6分)	良好 (8分)	表現突出 (10分)
01.工作態度					
02.工作品質					
03.工作效率					
04.工作熱忱					
05.學習意願					
06.溝通技巧					
07.團隊合群					
08.成 熟 度					
09.責 任 心					
10.出 席 率					

評語與建議：	**總分**	分
	單位主管簽章	